

Số: /KH-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025

Căn cứ Quy định số 142/KH-ĐHHL ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Trường Đại học Hoa Lư quy định về hoạt động đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục; Thực hiện Kế hoạch số 240/KH-ĐHHL, ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Trường Đại học Hoa Lư về việc triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025. Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục năm học 2024- 2025, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

Đánh giá thực trạng các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Yêu cầu:

Việc so chuẩn, đối sánh phải được thực hiện nghiêm túc, chính xác, kịp thời. Các kết quả, báo cáo đối sánh chất lượng về các hoạt động của Nhà trường là dữ liệu, minh chứng phục vụ hoạt động kiểm định cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo do đó phải được phản ánh trung thực; các giải pháp cải tiến chất lượng phải có tính khả thi.

II. Hình thức, tiêu chí lựa chọn đối tác và phạm vi đối sánh

1. Hình thức đối sánh

- Đối sánh nội bộ (*tự đối sánh*): So sánh dữ liệu/kết quả về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường/đơn vị giữa các năm học hoặc năm tài chính.

- Đối sánh ngoài: So sánh dữ liệu/kết quả về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Hoa Lư với cơ sở giáo dục đại học khác (*đối tác*) theo năm học hoặc năm tài chính.

2. Tiêu chí lựa chọn đối tác

Là các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó ưu tiên chọn các trường có các đặc điểm sau:

+ Các cơ sở giáo dục đại học công lập, có uy tín, đã được kiểm định hoặc công nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Khuyến khích lựa chọn các đối tác có chỉ số đối sánh ở mức cao hơn, tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Phạm vi đối sánh

Các nội dung đối sánh có sử dụng dữ liệu theo năm học thực hiện theo các năm học; 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, các nội dung đối sánh có sử dụng dữ liệu theo năm tài chính thực hiện theo các năm 2022, 2023, 2024. Riêng đối với các chương trình đào tạo thực hiện đối sánh các nội dung của chương trình đào tạo đang thực hiện rà soát, chỉnh sửa (*khóa tuyển sinh năm học 2025-2026*).

III. Quy trình và thời gian thực hiện:

STT	Quy trình thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Xác định đối tác (<i>đối sánh ngoài</i>).	
2.	- Tập hợp dữ liệu/kết quả các hoạt động theo năm học hoặc năm tài chính của Nhà trường và của đối tác (<i>Có thể sử dụng các báo cáo công khai của các cơ sở giáo dục đại học để lấy dữ liệu so sánh</i>). - Kiểm tra dữ liệu trước khi đối sánh.	
3.	- Thực hiện thống kê, so sánh dữ liệu, kết quả các hoạt động của Nhà trường giữa các năm với nhau (<i>đối sánh nội bộ</i>). - Thực hiện thống kê, so sánh dữ liệu/kết quả các hoạt động của Nhà trường với dữ liệu/kết quả của đối tác giữa các năm (<i>đối sánh ngoài</i>). - Xây dựng báo cáo kết quả đối sánh, đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng các hoạt động theo nhiệm vụ được phân công. - Gửi báo cáo kết quả đối sánh về phòng Quản lý chất lượng.	Từ tháng 3/12/2024 đến 20/02/2025
4.	Tổng hợp báo cáo đối sánh trình lãnh đạo trường phê duyệt.	Từ 21/02/2025-15/3/2025
5.	Thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	Theo kế hoạch

IV. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ việc phân công các đơn vị tổ chức thực hiện hoạt động đối sánh và xây dựng báo cáo, cụ thể như sau:

1. Các đơn vị liên quan

STT	Nội dung	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài	Đơn vị thực hiện
1. Đội ngũ nhân sự				
1.1.	Tổng số giảng viên cơ hữu toàn trường các năm.	x		Phòng Tổ chức – Thanh tra.
1.2.	Tổng số nhân viên toàn trường các năm.	x		
1.3.	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ các năm.	x		
2.. Hoạt động đào tạo				
2.1.	Tổng số người học chính quy	x	x	Phòng Đào tạo-Quản lý khoa học.
2.2.	- Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn hàng năm. - Tỷ lệ tốt nghiệp quá hạn hàng năm. - Tỷ lệ thôi học thành năm. - Thời gian tốt nghiệp trung bình hàng năm. <i>(đối sánh số liệu chung toàn trường giữa các năm của hệ chính quy).</i>	x		
2.3	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên hàng năm.	x	x	
2.4.	Tỷ lệ có việc làm của người học sau 12 tháng tốt nghiệp <i>(đối sánh số liệu chung toàn trường giữa các năm của hệ chính quy).</i>	x		Phòng Chính trị và công tác Học sinh-Sinh viên.

2.5.	Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp hàng năm.	x		
3. Tài chính, cơ sở vật chất				
3.1.	Tổng nguồn thu hàng năm.	x	x	Phòng Kế hoạch – Tài chính.
3.2.	Tổng thu từ hoạt động đào tạo hàng năm	x		
3.3.	Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo hàng năm.	x		
3.4.	Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên hàng năm.	x		
3.5.	Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ hàng năm.	x		
3.6.	Kinh phí dành cho mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung nguồn học liệu... hàng năm.	x		
3.7.	Số lượng đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo hàng năm.	x		Trung tâm Thư viện – Thiết bị.
4. Chương trình đào tạo				
4.1.	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		x	Các khoa quản lý chương trình đào tạo
4.2.	Khối lượng kiến thức toàn khóa (<i>Số tín chỉ, số lượng các học phần</i>), <i>khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối lượng kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo</i>).		x	

4.3.	Tỉ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, học phần tự chọn của chương trình đào tạo.		x	
4.4	Cấu trúc của đề cương chi tiết, số học phần được thêm mới/thay đổi trong chương trình, các thay đổi khác...so với chương trình khóa trước	x		
4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế				
4.1.	Số lượng đề tài của giảng viên hàng năm.	x	x	Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học
4.2.	Số lượng đề tài của sinh viên hàng năm.	x	x	
4.3.	Số lượng bài báo trong nước của giảng viên được công bố hàng năm.	x		
4.4.	Số lượng bài báo quốc tế của giảng viên được công bố hàng năm.	x		
4.5.	Số lượng báo cáo, bài viết tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế hàng năm.	x		
4.6.	Số lượng giáo trình, tài liệu được xuất bản hàng năm.	x		
4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng				
4.1.	Số lượng các chương trình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm.	x		Phòng Chính trị và công tác Học sinh-Sinh viên
4.2.	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	x		
4.3.	Kinh phí dành cho các hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm.	x		

2. Phòng Quản lý chất lượng

Chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch; Theo dõi tình hình, tiến độ thực hiện kế hoạch của đơn vị; Tổng hợp báo cáo kết quả đối sánh trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

Trên đây là kế hoạch triển khai hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục năm học 2024-2025 của Trường Đại học Hoa Lư. Hiệu trưởng Nhà trường yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Lưu VT, QLCL.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHHL ngày tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐHHL

Ninh Bình, ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Kết quả đối sánh chất lượng giáo dục năm học

1. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện**2. Kết quả đối sánh ngoài***2.1. Nội dung đối sánh....*

STT	Thời gian	Trường đại học Hoa Lu	Trường đại học....(đối tác)	Độ lệch (+, =, -)	Ghi chú
	Giữa năm.... với năm...				
				
				

2.2. Nội dung đối sánh....

STT	Thời gian	Trường đại học Hoa Lu	Trường đại học....(đối tác)	Độ lệch (+, =, -)	Ghi chú
	Giữa năm.... với năm...				
				
				

.....

3. Kết quả đối sánh nội bộ*3.1. Nội dung đối sánh....*

STT	Thời gian	Kết quả/dữ liệu năm...	Kết quả/dữ liệu năm...	Độ lệch (+, =, -)	Ghi chú
1.	Giữa năm.... với năm...				
2.				
3.				

.....

Ghi chú: “+” kết quả của đơn vị cao hơn so với đối tác (đối sánh ngoài) hoặc kết quả năm sau cao hơn năm trước (đối sánh nội bộ); “-”, kết quả của đơn vị thấp hơn so với đối tác (đối sánh ngoài) hoặc kết quả năm sau thấp hơn năm trước (đối sánh nội bộ; “=”, kết quả của đơn vị tương đương so với đối tác (đối sánh ngoài) hoặc kết quả năm sau tương đương năm trước (đối sánh nội bộ)

4. Đánh giá chung

4.1. Điểm mạnh

4.2. Điểm tồn tại

4.3. Đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng

.....

.....

.....

.....

.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ